TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 -AN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2026

"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – AN GIANG, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Giang Phước Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Bích Hằng**

2. Bà **Dương Thị Thu Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân khu vực 8 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà **Lê Thị Bích P**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp B, xã K, tỉnh An Giang. Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn**: Ông **Ong Tý T,** sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp H, xã K, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Bích P trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ong Tý T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 04/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp B, xã B, không được bao lâu thì mướn nhà trọ ở riêng, sau đó mẹ chồng có cất cho vợ chồng được 01 căn phòng nằm phía sau nhà chồng để ở. Trong quá trình sinh sống ông T

thường xuyên đi nhậu nhẹt, khi về nhà thì kiếm chuyện gây gỗ làm cho vợ chồng mâu thuẫn, thậm chí ông T còn dùng lời lẽ thô tục xúc phạm đến bà nên bà có bỏ về nhà cha mẹ ở, sau đó cha chồng có điện thoại liên lạc với cha bà để hòa giải cho vợ chồng thì bà có bỏ qua và về nhà ông T tiếp tục chung sống, nhưng thời gian không được bao lâu ông T vẫn không thay đổi gì, vẫn tiếp tục nhậu nhẹt và vợ chồng lại cải vã nhau như những lần trước. Thời gian mâu thuẫn gay gắt vào Tết năm 2024, sau đó bà bỏ đi làm tại Rạch Giá và sinh sống tại Rạch Giá cho đến nay, thời gian từ đó cho đến nay ông T cũng có điện thoại liên lạc và gửi tiền cho bà nuôi con nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông T đã trầm trọng không thể sống chung với nhau được nữa nên bà cương quyết xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 người con chung là Ong Lê Hoàng A, sinh ngày 25/9/2018. Bà đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với ý kiến của ông Ong Tý T:

Toà án đã tiến hành các thủ tục giao thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Ong Tý T nhưng ông T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, nên Tòa án có giao cho người thân sống cùng nhà ông T là mẹ và em ruột của ông T nhận thay và có cam kết giao lại cho ông T. Tuy nhiên, ông T vẫn cố ý không có mặt tại Tòa án và cũng có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông T; Giao con chung cho ông T nuôi dưỡng. Về án phí: bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Thẩm quyền giải quyết: Ông Ong Tý T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã K, tỉnh An Giang nên khi có yêu cầu giải quyết vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Bích P có yêu cầu xin ly hôn với ông T và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với quan hệ hôn nhân thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà P vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông T được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo khoảng 1 và khoản 3 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích P và ông Ong Tý T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định, được Uỷ ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 04/10/2017. Do đó, hôn nhân của bà P và ông T đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo đó, hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Bích P xin ly hôn với ông Ong Tý T. Phía bà P cho rằng bà và ông T trong thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh, trong thời gian này giữa bà và ông T sống ly thân, hai bên không có liên lạc gì với nhau, không còn quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống cuộc sống riêng và hiện tại bà không còn tình cảm với ông T nên bà cương quyết xin được ly hôn với ông T.

Xét thấy, ông T khi biết được việc Tòa án đã thụ lý yêu cầu xin ly hôn của bà P và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn cố ý không đến Tòa án để tham gia, việc này cho thấy ông T không mong muốn được hòa giải với bà P, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã trầm trọng. Ngoài ra, qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết bà P và ông T đã

không còn sống chung, đã Phương đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống giống như bà P trình bày. Việc vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau thời gian dài đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng phải quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình. Cho thấy hôn nhân giữa bà P và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bích P, cho bà P được ly hôn với ông T theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà P và ông T có 01 người con chung là Ong Lê Hoàng A, sinh ngày 25/9/2018. Tòa án có tiến hành lấy ý kiến của con chung thì cháu Hoàng A có nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà P. Tuy nhiên, theo trình bày của bà P hiện tại ông T đã đưa cháu Hoàng A về nhà ông T sinh sống và cháu Hoàng A cũng đồng ý và đang sinh sống cùng ông T. Ngoài ra, bà P có liên lạc và trao đổi với ông T về con chung thì ông T muốn được nuôi con và bà P cũng thống nhất đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng. Nhận thấy, trong thời gian bà P đưa cháu Hoàng Anh về nhà cha mẹ ruột của bà sinh sống thì bà P đang đi làm tại Rạch Giá – An Giang thường xuyên không có mặt ở nhà nên việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng A phải nhờ đến cha mẹ ruột. Mặt khác, trong thời gian này ông T cũng có điện thoại liên lạc và gửi tiền cho bà P nuôi con, cho thấy ông T vẫn đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Ong Lê Hoàng A cho ông Ong Tý T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Phía ông T không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, nếu ông T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì được quyền yêu cầu khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung: Bà P trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà P trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà P có yêu cầu xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích P, cho bà Lê Thị Bích P được ly hôn với ông Ong Tý T.

- Về con chung: Bà P và ông T có 01 người con chung là Ong Lê Hoàng A, sinh ngày 25/9/2018. Giao cháu Ong Lê Hoàng A cho ông Ong Tý T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không cấp dưỡng nuôi con. Nếu ông T có yêu cầu cấp bà P dưỡng nuôi con thì được quyền yêu cầu khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về quyền thăm nôm, chăm sóc con chung sau ly hôn: Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nôm, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà P trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà P trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Bích P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo lai thu số 0005656 ngày 22/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – An Giang (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo:

Báo cho bà P, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 8 – An Giang;
- Thi Hành án Dân sự tỉnh An Giang;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành